

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày 22 - 4 - 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự, vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Lệ Thi, bà Võ Thị Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 574/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lâm Phú T, sinh năm 1964; địa chỉ: 236/18 Trịnh Đình Trọng, phường T1, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số 205 đường Nguyễn Trường Tộ, khóm C5, phường C1, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà T, sinh năm 1997; nơi cư trú: khóm H, phường N1, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bà Nguyễn Huỳnh Châu, sinh năm 1999; nơi cư trú: khóm S, phường N1, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Hòa Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 11, khóm Châu Quới, phường C1, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Lâm Phú T trình bày: Khoảng năm 2015, Ông T có cho Ông

Đ vay tổng cộng 515.000.000 đồng, cụ thể: lần thứ nhất cho Ông Đ vay 145.000.000 đồng, lần thứ hai cho Ông Đ vay 370.000.000 đồng, không nhớ rõ lãi suất từ 2% đến 3%. Đến ngày 10/9/2015, Ông T có soạn “Giấy mượn nợ” Ông Đ đồng ý ký tên và ghi họ tên vào. Đến ngày 01/5/2022, Ông T và Ông Đ có thỏa thuận khấu trừ tiền thuê mặt bằng là 65.000.000 đồng vào số nợ, đồng thời cam kết ngày 01/5/2022 sẽ chuyển trả 200.000.000 đồng và còn lại 250.000.000 đồng sẽ chuyển trả vào ngày 01/12/2022. Tuy nhiên, Ông Đ chỉ chuyển khoản trả 100.000.000 đồng vào ngày 17/10/2022 thì ngưng không trả nữa nên còn nợ Ông T 350.000.000 đồng. Ông T nhiều lần yêu cầu Ông Đ trả nợ nhưng Ông Đ không thực hiện. Do đó Ông T yêu cầu Ông Đ trả số nợ 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/12/2022 cho đến khi xét xử xong.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Phan Hòa Đ, trình bày: Ông Đ không có vay 515.000.000 đồng của Ông T. Năm 2011, Ông Đ và Ông T có hùn vốn để mở siêu thị miễn thuế tại cửa khẩu Tịnh Biên, Ông T hùn 600.000.000 đồng, Ông Đ có viết biên nhận để nhận tiền, biên nhận do Ông T giữ. Sau đó, do cần tiền nên Ông T lấy lại 250.000.000 đồng nên còn 350.000.000 đồng. Khi hùn làm ăn thì mỗi tháng Ông Đ đều đưa cho Ông T khoảng 20.000.000 đồng là tiền lợi nhuận của việc kinh doanh và hoàn vốn gốc, đưa tiền bằng hình thức giao trực tiếp và chuyển khoản nhưng đa số là chuyển khoản, người chuyển là vợ Ông Đ tên Nguyễn Thị Ngọc Hiền thời gian từ 2011 đến 2015. Đến năm 2015, nhà nước thay đổi chính sách không cho mở siêu thị miễn thuế nữa nên không còn tiếp tục kinh doanh. “Giấy mượn nợ” ngày 10/9/2015 là Ông T kêu Ông Đ ký vào, do Ông T nói đem về đưa cho vợ Ông T là có hùn vốn làm ăn với Ông Đ, nếu như Ông Đ vay 515.000.000 đồng của Ông T thì Ông T đưa tiền cho Ông Đ bằng cách nào và đưa ở đâu. Đối với Giấy “xác nhận” trả nợ là do Ông Đ ghi và ký tên vào nhưng do Ông T ép buộc. Ngày 17/10/2022, Ông Đ có chuyển vào tài khoản của ngân hàng đưa Ông T 100.000.000 đồng, mục đích chuyển do Ông T nói sẽ giúp đỡ tôi làm ăn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành đối chất, hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Châu xác định họ tên chính xác người bị kiện là Ông Phan Hòa Đ, đồng thời nếu Ông Đ thừa nhận có nợ 350.000.000 đồng của Ông T thì nguyên đơn sẽ rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả số vốn gốc nêu trên.

- Bị đơn Ông Đ xác định do đã ký tên vào các biên nhận nợ nên chấp nhận vào có chuyển khoản cho Ông T 100.000.000 đồng nên chấp nhận có nợ Ông T số tiền 350.000.000 đồng, do kinh tế đang khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có tài liệu, chứng cứ khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

+ Về giải quyết vụ án:

- Về vốn vay: Căn cứ lời khai của nguyên đơn (Ông T), đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chứng cứ cung cấp là Giấy mượn nợ đề ngày 10/9/2015 và giấy xác nhận có chữ ký của Ông Đ. Bị đơn (Ông Đ) đồng ý trả 350.000.000 đồng theo yêu cầu Ông T. Nên căn cứ quy định tại Điều 463, 466 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T: Buộc Ông Đ trả số tiền còn nợ là 350.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Nguyên đơn Ông T khởi kiện yêu cầu Ông Đ trả lãi theo quy định pháp luật. Nhưng tại phiên tòa, rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi.

Đối với việc Ông Đ yêu cầu trả dần 5.000.000 đồng/tháng không được Ông T đồng ý, nên không có cơ sở xem xét.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi; áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Đ trả cho Ông T số tiền 350.000.000 đồng. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi tên của bị đơn là Phan Hòa Đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bị đơn là Phan Hòa Đ. Bị đơn, Ông Đ cũng khai nhận tên chính xác là Phan Hòa Đ và đã cung cấp căn cước công dân cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là Ông Phan Hòa Đ và điều chỉnh thông tin bị đơn cho đúng người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn Ông Đ trả nợ vay. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm Châu Quới, phường C1, thành phố Châu Đốc nên yêu cầu kiện khởi kiện của Ông T thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền mà bị đơn nợ. Xét yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lâm Phú T:

Ông Lâm Phú T cho rằng Ông Đ có vay 515.000.000 đồng của Ông T và còn nợ lại 350.000.000 đồng. Theo tài liệu, chứng cứ do Ông T cung cấp thấy rằng: “Giấy mượn nợ” đề ngày 10/9/2015 có nội dung Ông Đ vay của Ông T tổng cộng 515.000.000 đồng; Giấy “Xác nhận” có nội dung Ông Đ cam kết trả nợ vào ngày 01/5/2022 trả 200.000.000 đồng và ngày 01/12/2022 trả 250.000.000 đồng, cả hai văn bản này đều có chữ ký và chữ viết họ tên của Ông Đ. Đồng thời, theo bảng sao kê tài khoản của Ông T ngày 22/8/2024 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch Tịnh Biên có nội dung ngày 17/10/2022, Ông Đ chuyển trả trước 100.000.000 đồng. Các tài liệu, chứng cứ này phù hợp với trình bày của Ông T. Bị đơn Ông Đ cho rằng không có vay của Ông T mà chỉ hùn vốn làm ăn, việc ký tên vào các biên nhận nợ là do bị ép buộc, việc chuyển khoản 100.000.000 đồng cho Ông T là để Ông T giúp đỡ làm ăn, Tòa án đã yêu cầu Ông Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày này nhưng Ông Đ không cung cấp được nên không có cơ sở để xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa Ông Đ cũng thừa nhận có nợ của Ông T số tiền 350.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định Ông Đ có vay tiền của Ông T số tiền 515.000.000 đồng và còn nợ lại 350.000.000 đồng, Ông Đ không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ông T khởi kiện yêu cầu Ông Đ trả số nợ 350.000.000 đồng là căn cứ chấp nhận.

[5] Về phương thức thanh toán: Ông Đ yêu cầu được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lâm Phú T:

Buộc Ông Phan Hòa Đ có trách nhiệm trả cho Ông Lâm Phú T số tiền 350.000.000 (*ba trăm năm mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lâm Phú T về việc yêu cầu bị đơn Ông Phan Hòa Đ trả lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 350.000.000 đồng mà Ông Đ nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Phú T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do Ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Ông Phan Hòa Đ phải chịu 17.500.000 (*mười bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam